

PHƯƠNG ÁN

Cung cấp điện năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, ổn định, tiết kiệm để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đời sống, sinh hoạt của nhân dân và hoạt động của các cơ quan, doanh nghiệp, đặc biệt là khách hàng sử dụng điện quan trọng thuộc diện ưu tiên cấp điện và các sự kiện chính trị, văn hóa lớn, các dịp nghỉ lễ, tết trong năm 2026.

- Chủ động trong công tác điều hành cung cấp điện trong điều kiện hệ thống vận hành bình thường, cũng như trong trường hợp hệ thống mất cân đối cung, cầu trong hệ thống điện.

- Tạo cơ sở cho Công ty Điện lực Cao Bằng chủ động tổ chức triển khai thực hiện công tác điều phối sản lượng điện trong điều kiện hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn cung ứng.

2. Yêu cầu:

- Không thực hiện điều hòa tiết giảm phụ tải điện trong điều kiện bình thường khi hệ thống điện quốc gia có đủ nguồn điện cung ứng.

- Việc thực hiện điều hòa, tiết giảm phụ tải chỉ thực hiện trong trường hợp hệ thống điện quốc gia xảy ra thiếu điện, mất cân đối cung cầu và sự cố bất khả kháng xảy ra trong hệ thống điện Quốc gia.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

Nguyên tắc thực hiện điều hòa, tiết giảm điện trong Phương án cung cấp điện năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện đảm bảo theo Điều 6 Phụ lục I Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công Thương quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện về việc lập, thực hiện Phương án cung cấp điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện, cụ thể:

1. Trường hợp hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện, Công ty Điện lực Cao Bằng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng của việc tiết giảm điện tới hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân, cụ thể như sau:

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện và quản lý nhu cầu phụ tải điện;

- Thỏa thuận với khách hàng sử dụng điện có nguồn điện dự phòng tại chỗ để khai thác các nguồn điện này khi xảy ra thiếu điện;

- Thỏa thuận với các khách hàng công nghiệp - xây dựng về phương thức tiết giảm điện luân phiên khi hệ thống thiếu điện năng hoặc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh để giảm công suất tiêu thụ điện tại các giờ cao điểm khi hệ thống thiếu công suất; bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, xây dựng và thực hiện các phương án giảm nhu cầu sử dụng điện phù hợp với khả năng cung cấp điện.

2. Trong trường hợp đã thực hiện các biện pháp quy định tại tiểu mục 1 Mục II nêu trên mà sản lượng điện, công suất tiêu thụ của phụ tải vẫn có khả năng vượt mức sản lượng điện, công suất được phân bổ thì việc tiết giảm điện phải được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Ưu tiên cấp điện cho các dịp nghỉ lễ, tết, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng và sự kiện khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Công Thương.

- Thực hiện tiết giảm điện đối với các khách hàng sử dụng điện trừ các khách hàng sử dụng điện quan trọng được UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt tại Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc phê duyệt danh sách khách hàng thuộc diện ưu tiên cấp điện khi bên bán điện thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hệ thống điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2026.

- Thực hiện điều hòa, tiết giảm điện theo phương án được phê duyệt, phải đảm bảo trên nguyên tắc minh bạch, luân phiên, công bằng; không để xảy ra tình trạng mất điện kéo dài, nhiều lần trong một khu vực hoặc một phụ tải điện, đáp ứng hợp lý nhu cầu điện cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân.

- Hạn chế tối đa phạm vi và mức độ ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân, tránh tình trạng mất điện diện rộng và kéo dài.

3. Trong quá trình thực hiện điều hòa tiết giảm điện, Công ty Điện lực Cao Bằng có trách nhiệm cập nhật điện năng, công suất khả dụng và tăng trưởng phụ tải thực tế tại tỉnh Cao Bằng để kịp thời báo cáo, kiến nghị Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc điều chỉnh phương án cung cấp điện, phân bổ sản lượng và công suất điện hợp lý cho toàn tỉnh. Tổ chức triển khai phương án đã được điều chỉnh để đảm bảo việc cung cấp điện ổn định, tối đa cho phụ tải trong điều kiện cho phép.

4. Việc ngừng, giảm mức cung cấp điện phải phù hợp với từng đối tượng khách hàng, có cân nhắc đến đặc điểm sinh hoạt của người dân, đặc thù công nghệ dây chuyền sản xuất nhằm hạn chế tối đa thiệt hại do gián đoạn cung cấp điện đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống sinh hoạt của người dân, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CUNG CẤP ĐIỆN NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG KHI HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA THIẾU NGUỒN ĐIỆN

1. Trường hợp hệ thống điện vận hành bình thường

- Đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục và ổn định và đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân; không thực hiện việc điều hòa, tiết giảm phụ tải điện.

- Dự kiến sản lượng điện thương phẩm cả năm 2026 đạt 653 triệu kWh, tăng khoảng 2,6% so với năm 2025.

- Năm 2026 phụ tải hệ thống điện tỉnh Cao Bằng dự báo công suất lớn nhất ($P_{\max}$) toàn tỉnh là 144 MW, so với $P_{\max}$ năm 2025 tăng 2,15%. Các tháng mùa hè $P_{\max}$ dự báo khoảng 135MW, vào các tháng mùa đông $P_{\max}$ dự báo khoảng 144MW. Cụ thể:

Tháng	Toàn tỉnh (bao gồm TBA 110kV của cả ngành điện và khách hàng)		Ngành điện	
	$P_{\max}$ (MW)	$P_{\min}$ (MW)	$P_{\max}$ (MW)	$P_{\min}$ (MW)
Tháng 01	144	58	132	46
Tháng 02	140	57	128	45
Tháng 03	136	55	124	43
Tháng 04	132	57	120	45
Tháng 05	133	59	121	47
Tháng 06	134	61	122	49
Tháng 07	135	62	123	50
Tháng 08	134	59	122	47
Tháng 09	133	57	121	45
Tháng 10	137	54	125	42
Tháng 11	140	58	128	46
Tháng 12	144	60	132	48

2. Trường hợp hệ thống điện mất cân đối cung cầu trong thời gian ngắn hạn (*chế độ cực kỳ khẩn cấp*)

a) Phương án thực hiện:

- Trong trường hợp xảy ra sự cố lưới điện truyền tải gây mất điện, Công ty Điện lực Cao Bằng có trách nhiệm ưu tiên khôi phục các đường dây 110kV và trạm biến áp 110kV theo danh sách tại Phụ lục I kèm theo Phương án này.

- Trường hợp mất cân đối cung cầu trong khoảng thời gian từ 07h00 đến 17h00 hàng ngày: Thực hiện tiết giảm công suất theo Phụ lục VII kèm theo Phương án này.

- Trường hợp mất cân đối cung cầu trong khoảng thời gian từ 17h00 đến 7h00 sáng hôm sau: Thực hiện tiết giảm công suất theo Phụ lục VIII kèm theo Phương án này.

- Trong trường hợp cắt tải khẩn cấp theo lệnh của Điều độ miền, Công ty Điện lực Cao Bằng sa thải các tuyến đường dây 22kV, 35kV không thuộc diện ưu tiên trước, sau đó cắt tải theo yêu cầu với mức cắt theo phương án đã lập và tiến hành tái lập tuyến đã cắt.

b) Công tác chuẩn bị:

- Rà soát, cập nhật đầy đủ danh sách cơ quan, đơn vị sử dụng điện quan trọng được cấp điện theo thứ tự ưu tiên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã được phê duyệt.

- Thực hiện rà soát, cập nhật, theo dõi phụ tải các xuất tuyến, phân đoạn và trạm biến áp để chủ động thực hiện khi xảy ra mất cân đối cung cầu trên hệ thống điện.

- Tổng hợp số lượng phát tuyến và công suất cắt giảm theo các thời điểm diễn hình ứng với các mức sa thải tần số.

- Phân công nhân sự tăng cường để chủ động trong việc thực hiện việc điều hòa công suất.

3. Trường hợp hệ thống điện mất cân đối cung cầu trong thời gian dài hạn

a) Phương án thực hiện:

- Trong trường hợp hệ thống mất cung cầu dự kiến kéo dài trong nhiều ngày (*do nguồn cung theo phương án không đủ cho nhu cầu phụ tải*), Công ty Điện lực Cao Bằng thực hiện tính toán và tiết giảm nhu cầu sử dụng điện, tập trung vào các đối tượng là các khách hàng sản xuất lớn, các khách hàng sử dụng nhiều điện. Ưu tiên cấp điện cho các khách hàng quan trọng theo danh sách đã được UBND tỉnh phê duyệt và các sự kiện văn hóa, chính trị quan trọng tại địa phương.

- Vận động khách hàng huy động các nguồn phát điện dự phòng để sử dụng trong trường hợp xảy ra mất cân đối cung cầu hệ thống điện.

- Tổ chức làm việc với khách hàng mua điện ở cấp điện áp 110 kV để thỏa thuận giữa các nhà máy về lịch sản xuất luân phiên để đảm bảo sản lượng, công suất tiết giảm theo yêu cầu của hệ thống điện và phù hợp với đặc thù dây chuyền, công nghệ sản xuất nhằm giảm tối thiểu ảnh hưởng do trường hợp xảy ra mất cân đối cung cầu của hệ thống điện.

- Thực hiện các kịch bản tiết giảm điện đối với từng nhóm đối tượng¹ trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu công suất ở các mức từ 5% đến 50%

¹ Được phân loại thành 03 nhóm phụ tải, cụ thể:

- **Nhóm 1:**

+ Là danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 11/12/2025;

+ Các phụ tải khác được UBND tỉnh chỉ đạo bổ sung trong các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng và các sự kiện, nội dung khác theo chỉ đạo;

- **Nhóm 2:** Nhóm các phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây, trong nhóm này được chia thành 03 nhóm sau:

+ Nhóm 2a: Nhóm phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp lần vào phân đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 thuộc khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang và các khu đô thị (khu vực thị trấn các huyện cũ), (Chỉ tiết tại Phụ lục II);

theo Phụ lục 9 kèm theo phương án này. Trong quá trình tiết giảm điện, Công ty Điện lực Cao Bằng phải thực hiện thông báo yêu cầu tiết giảm đến khách hàng đúng theo quy định hiện hành.

b) Công tác chuẩn bị:

- Công ty Điện lực Cao Bằng trực tiếp làm việc với các khách hàng lớn để ký kết lại phụ lục hợp đồng, thỏa thuận khách hàng dịch chuyển khung giờ sản xuất cao điểm của khách hàng lệch khỏi khung giờ cao điểm hệ thống, thỏa thuận mức công suất tiết giảm khi hệ thống mất cân đối cung cầu.

- Triển khai thực hiện chương trình Quản lý nhu cầu điện (DSM), chương trình điều chỉnh phụ tải điện (DR) đúng theo quy định.

- Thống kê các nguồn phát dự phòng của khách hàng lớn để sẵn sàng phối hợp huy động công suất hỗ trợ ngành điện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện Phương án này.

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện cung cấp điện của Công ty Điện lực Cao Bằng để đảm bảo cung cấp điện theo Phương án đã được phê duyệt và các quy định hiện hành; chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình cung ứng và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh; báo cáo đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp với Công ty Điện lực Cao Bằng và các đơn vị liên quan tuyên truyền, triển khai thực hiện các quy định về tiết kiệm trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm trong sử dụng điện và thực hiện tiết kiệm điện.

2. UBND các xã, phường

- Tổ chức theo dõi, giám sát tình hình cung cấp điện trên địa bàn. Kịp thời đề xuất, phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình cung ứng và sử dụng điện trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện tiết kiệm điện tại địa phương theo Kế hoạch số 2789/KH-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh về việc triển khai

+ Nhóm 2b: Nhóm các phụ tải sinh hoạt, cơ quan và sản xuất nhỏ không lẫn vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 cấp điện cho khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang (Chi tiết tại Phụ lục III);

+ Nhóm 2c: Phụ tải sinh hoạt và sản xuất nhỏ khu vực nông thôn các xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (Chi tiết tại phụ lục IV).

- **Nhóm 3:** Nhóm các phụ tải sản xuất trong các khu công nghiệp tập trung, các cụm công nghiệp nhỏ lẻ, các làng nghề, trong nhóm này gồm 02 nhóm sau:

+ Nhóm 3a: Nhóm phụ tải các TBA cấp điện thi công Đường cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (Chi tiết tại phụ lục V);

+ Nhóm 3b: Nhóm phụ tải xuất công nghiệp và dịch vụ không ưu tiên, gồm: phụ tải sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh (Chi tiết tại phụ lục VI).

Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ các thủ tục đất đai, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các công trình điện; phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo vệ hành lang an toàn lưới điện, công tác tuyên truyền an toàn điện và tiết kiệm điện trên địa bàn.

3. Công ty Điện lực Cao Bằng

- Tổ chức triển khai theo Phương án cung cấp điện năm 2026 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng khi hệ thống điện Quốc gia thiếu nguồn điện đã được phê duyệt; xây dựng phương án chi tiết triển khai thực hiện đảm bảo công tác cấp điện an toàn, ổn định và liên tục; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về UBND tỉnh (*qua Sở Công Thương*) để xem xét, giải quyết.

- Triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp các xuất tuyến đường dây để đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường lực lượng ứng trực; trang bị phương tiện thông tin liên lạc và phương tiện đi lại để triển khai kịp thời công tác xử lý sự cố hoặc công tác cắt giảm tải theo yêu cầu của điều độ miền, tránh để xảy ra tình trạng mất điện theo diện rộng và kéo dài.

- Lập kế hoạch nâng cấp, bảo trì, thí nghiệm... thiết bị điện phải kết hợp với các công tác có cắt điện trên lưới điện nhằm giảm thiểu tối đa thời gian cắt điện công tác.

- Trong trường hợp bất khả kháng phải cắt, tiết giảm điện công bằng với mọi khách hàng sử dụng điện, trừ các khách hàng sử dụng điện quan trọng được UBND tỉnh phê duyệt. Lập và thực hiện lịch điều hòa tiết giảm một cách hợp lý, phù hợp với từng thời điểm, từng đối tượng phụ tải nhằm hạn chế cắt điện sinh hoạt vào các ngày cuối tuần. Ưu tiên cung cấp điện cho các dịp Lễ, Tết và các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng trong năm 2026.

- Thực hiện đầu tư cải tạo và phát triển lưới điện theo quy hoạch và kế hoạch được duyệt để đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đầu tư các công trình để giải tỏa tốt công suất các công trình chống quá tải... nhằm tránh tình trạng xảy ra quá tải cục bộ hệ thống điện phân phối trên địa bàn tỉnh; đảm bảo cấp điện ổn định cho các dự án kinh tế trọng điểm, các khu, cụm công nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác thực hiện chương trình Quản lý nhu cầu điện (DSM), chương trình điều chỉnh phụ tải điện (DR) để giảm nhu cầu phụ tải điện vào giờ cao điểm của hệ thống điện, góp phần đảm bảo cung cấp điện ổn định, tin cậy cho hệ thống điện quốc gia và hệ thống điện tại khu vực.

- Thường xuyên làm việc với các khách hàng sử dụng điện để thông báo tình hình thiếu điện (*nếu có*), vận động doanh nghiệp phối hợp thực hiện tiết kiệm

điện, tự tiết giảm, tiết giảm luân phiên, huy động nguồn máy phát dự phòng để hỗ trợ ngành điện trong giai đoạn khó khăn khi thiếu điện xảy ra (*nếu có*).

- Tăng cường công tác tuyên truyền an toàn điện, tiết kiệm điện và triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện theo Kế hoạch số 2789/KH-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh.

- Thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện phải thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Bộ Công Thương và Thông tư 46/2025/TT-BCT ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Bộ Công Thương về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện.

- Định kỳ hàng tháng thực hiện báo cáo UBND tỉnh và Sở Công Thương về tình hình cung cấp điện, điều hòa tiết giảm điện trên địa bàn tỉnh.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Phương án, nếu có nội dung chưa phù hợp thì kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Công Thương) điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo cấp điện ổn định, an toàn./.

Phụ lục I

Danh sách các đường dây và trạm biến áp 110kV theo thứ tự ưu tiên khôi phục

(Kèm theo Quyết định số: 2376/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I	Tên đường dây	Mục đích
1	174 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 171 E16.1 (Cao Bằng)	Cấp điện các khách hàng quan trọng và 03 phường của tỉnh Cao Bằng
2	179 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 172 E16.1 (Cao Bằng)	Cấp điện các khách hàng quan trọng và 03 phường của tỉnh Cao Bằng
3	174 E16.1 (Cao Bằng) - 172 E16.3 (Quảng Uyên)	Cấp điện các khách hàng quan trọng của các xã khu vực phía Đông tỉnh Cao Bằng
4	173 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 171 E16.7 (Chu Trinh)	Cấp điện các khách hàng quan trọng và một phần phường Tân Giang, Nùng Trí Cao, các xã Kim Đồng, Canh Tân, Thạch An, Đông Khê, Đức Long tỉnh Cao Bằng
5	172E16.4(Gang Thép) - 172E16.7 (Chu Trinh)	Cấp điện các khách hàng quan trọng và một phần một phần phường Tân Giang, Nùng Trí Cao, các xã Kim Đồng, Canh Tân, Thạch An, Đông Khê, Đức Long tỉnh Cao Bằng
6	171 E16.5 (220kV Bảo Lâm) - 171 A16.16 (TĐ Mông Ân)	Cấp điện các khách hàng quan trọng của các xã khu vực phía Tây tỉnh Cao Bằng
7	172 A16.16 (TĐ Mông Ân) - 171 E16.6 (Bảo Lâm)	Cấp điện các khách hàng quan trọng của các xã khu vực phía Tây tỉnh Cao Bằng
8	172 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 171 E16.4 (Gang Thép)	Cấp điện cho phụ tải công nghiệp
II	Tên trạm biến áp	Mục đích
1	Trạm E16.1 Cao Bằng	Cấp điện các khách hàng quan trọng 03 phường của tỉnh Cao Bằng
2	Trạm E16.3 Quảng Uyên	Cấp điện các khách hàng quan trọng của các xã khu vực phía Đông tỉnh Cao Bằng
3	Trạm E16.7 Chu Trinh	Cấp điện các khách hàng quan trọng và một phần phường Tân Giang, phường Nùng Trí Cao, các xã Kim Đồng, Canh Tân, Thạch An, Đông Khê, Đức Long tỉnh Cao Bằng
4	Trạm E16.6 Bảo Lâm	Cấp điện các khách hàng quan trọng của các xã khu vực phía Tây tỉnh Cao Bằng
5	Trạm E16.4 Gang Thép	Cấp điện cho phụ tải công nghiệp lớn

Phụ lục II

Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 thuộc khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang và các khu đô thị (khu vực thị trấn các huyện cũ) (nhóm 2a)
(Kèm theo Quyết định số: 2376/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
1	472E16.1	Trạm biến áp Nà Cáp 6	320	123,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
2	472E16.1	Trạm biến áp Nà Cáp 4.1	180	98,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
3	472E16.1	Trạm biến áp Hoàn Hảo	180	25,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
4	472E16.1	Trạm biến áp Xường gỗ 2	250	124,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
5	472E16.1	Trạm biến áp Vinfast Ngọc Xuân	560	162,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
6	472E16.1	Trạm biến áp Xường gỗ	320	134,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
7	472E16.1	Trạm biến áp Ngoại thương 3	180	89,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
8	472E16.1	Trạm biến áp XN gạch	560	24,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
9	472E16.1	Trạm biến áp Ngọc Xuân 3	250	109,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
10	472E16.1	Trạm biến áp ST Ngọc Xuân	250	67,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
11	472E16.1	Trạm biến áp Ngoại thương	320	113,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
12	472E16.1	Trạm biến áp Nông Lâm	400	123,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
13	472E16.1	Trạm biến áp Nông Lâm 2	180	110	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
14	472E16.1	Trạm biến áp Tam Trung 1	400	135,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
15	472E16.1	Trạm biến áp Tam Trung 4	180	75,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
16	472E16.1	Trạm biến áp Tam Trung 2	320	115,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
17	472E16.1	Trạm biến áp Tam Trung 5	320	180	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
18	472E16.1	Trạm biến áp Xăng dầu	250	125,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
19	472E16.1	Trạm biến áp Ngoại thương 2	400	168,9	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
20	472E16.1	Trạm biến áp Ngoại thương 4	320	121,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
21	472E16.1	Trạm biến áp Ngọc Xuân 2	320	156,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
22	472E16.1	Trạm biến áp Ngọc Xuân 2.1	250	89,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
23	472E16.1	Trạm biến áp Khau Thúa 3	100	78,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
24	472E16.1	Trạm biến áp Khau Thúa	180	115	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
25	472E16.1	Trạm biến áp Khau Thúa 2	250	92,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
26	472E16.1	Trạm biến áp Quang Thảo	400	106,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
27	473E16.1	Trạm biến áp Lô 15	500	98,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
28	473E16.1	Trạm biến áp CS quảng trường	320	86,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
29	473E16.1	Trạm biến áp Bộ chỉ huy quân sự thành phố	200	101,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
30	473E16.1	Trạm biến áp T6A	400	65,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
31	473E16.1	Trạm biến áp T6	400	78,9	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
32	473E16.1	Trạm biến áp 5A.2	560	82,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
33	473E16.1	Trạm biến áp 5A.1	560	92,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
34	473E16.1	Trạm biến áp T. Nội trú	400	136,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
35	473E16.1	Trạm biến áp KS hải quan	100	49,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
36	474E16.1	Trạm biến áp Nhà máy thuốc lá	180	129,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
37	474E16.1	Trạm biến áp Khau Hân	400	272	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
38	474E16.1	Trạm biến áp Đề Thám 2	250	137,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
39	474E16.1	Trạm biến áp Khau Hân 1.1	400	103,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
40	474E16.1	Trạm biến áp Ngân hàng Nông nghiệp	320	46,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
41	474E16.1	Trạm biến áp Bảo hiểm xã hội	320	50,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
42	474E16.1	Trạm biến áp Kho bạc	320	39,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
43	474E16.1	Trạm biến áp Cục thuế 1	180	40,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
44	474E16.1	Trạm biến áp Cục thuế 2	320	47,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
45	474E16.1	Trạm biến áp Ngân hàng Chính sách tỉnh Cao Bằng	250	45,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
46	474E16.1	Trạm biến áp Km5.1	250	200	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
47	474E16.1	Trạm biến áp Bảo tàng	1250	10,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
48	474E16.1	Trạm biến áp Km4 Đề Thám	320	105,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
49	474E16.1	Trạm biến áp Đồng Tâm 2	250	89,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
50	474E16.1	Trạm biến áp Nhà Toong 8	250	112,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
51	474E16.1	Trạm biến áp Nhà Toong 5	250	109,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
52	474E16.1	Trạm biến áp Nhà Toong 9	320	126,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
53	474E16.1	Trạm biến áp chiếu sáng 1	75	23,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
54	474E16.1	Trạm biến áp Nông Thanh Hùng	400	78,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
55	474E16.1	Trạm biến áp Đông y	400	82,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
56	474E16.1	Trạm biến áp in Việt Lập	160	45,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
57	474E16.1	Trạm biến áp Nhà Lắc 2	320	98,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
58	474E16.1	Trạm biến áp Nhà Lắc 3	250	87,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
59	474E16.1	Trạm biến áp Khu 3	160	97,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
60	474E16.1	Trạm biến áp điện máy HC	180	60,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
61	474E16.1	Trạm biến áp CTCP Gang thép Cao Bằng	400	52,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
62	474E16.1	Trạm biến áp Bến Xe	250	98,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
63	474E16.1	Trạm biến áp Phố Cũ 4	250	101,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
64	474E16.1	Trạm biến áp Phố Cũ 3	400	288	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
65	474E16.1	Trạm biến áp Phố Cũ 1	250	112,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
66	474E16.1	Trạm biến áp Phố Cũ 5	250	116,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
67	474E16.1	Trạm biến áp Phố Cũ 6	400	126,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
68	474E16.1	Trạm biến áp Vườn Cam 4	180	114,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
69	474E16.1	Trạm biến áp Chợ ẩm thực	180	126	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
70	474E16.1	Trạm biến áp Chợ trung tâm	180	80	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
71	474E16.1	Trạm biến áp Kim Tín	250	125,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
72	474E16.1	Trạm biến áp KS Bằng Giang	250	120,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
73	474E16.1	Trạm biến áp NHNN T.Phố	250	58,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
74	474E16.1	Trạm biến áp TM tổng hợp	180	82,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
75	474E16.1	Trạm biến áp Ngân hàng	400	101	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
76	474E16.1	Trạm biến áp BIDV	400	65,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
77	477E16.1	Trạm biến áp Bản Lãng 2	180	120,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
78	477E16.1	Trạm biến áp TĐC Km5	250	145	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
79	477E16.1	Trạm biến áp G.cây trồng	180	58,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
80	477E16.1	Trạm biến áp Km5.3	250	89,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
81	477E16.1	Trạm biến áp Km5.2	400	98,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
82	477E16.1	Trạm biến áp Km5.4	320	92,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
83	477E16.1	Trạm biến áp Đề Thám 3	250	121,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
84	477E16.1	Trạm biến áp CD sư phạm	100	80,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
85	477E16.1	Trạm biến áp Tại chức	320	98,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
86	477E16.1	Trạm biến áp Nhà Cấp 5	250	103,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
87	477E16.1	Trạm biến áp Nhà Cấp 9	250	89,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
88	477E16.1	Trạm biến áp Nhà Cấp	400	126,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
89	477E16.1	Trạm biến áp Tại chức 2	250	117,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
90	477E16.1	Trạm biến áp CS Nhà Cáp	50	30,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
91	477E16.1	Trạm biến áp Lưu Thị Nhung	160	83,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
92	477E16.1	Trạm biến áp Bảo Việt 2	100	46,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
93	477E16.1	Trạm biến áp Vườn Cam 6	250	245	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
94	477E16.1	Trạm biến áp BĐTT	180	52,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
95	477E16.1	Trạm biến áp Phố Cũ 2	400	123,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
96	477E16.1	Trạm biến áp Nước Giáp 2	400	115,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
97	477E16.1	Trạm biến áp Nước Giáp 3.1	100	80	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
98	477E16.1	Trạm biến áp Sông Hiến 2	250	135	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
99	477E16.1	Trạm biến áp KTV	250	87,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
100	477E16.1	Trạm biến áp Giáo Dục 2	180	76,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
101	477E16.1	Trạm biến áp Giáo Dục 4	250	86,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
102	477E16.1	Trạm biến áp Giáo Dục 3	320	102,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
103	477E16.1	Trạm biến áp Nước Giáp 3	250	82,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
104	477E16.1	Trạm biến áp Nước Giáp 5	180	93,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
105	477E16.1	Trạm biến áp Nước Giáp 8	180	87,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
106	477E16.1	Trạm biến áp Nước Giáp 2.1	180	93,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
107	477E16.1	Trạm biến áp Vườn Cam 12	400	260	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
108	471E16.7	Trạm biến áp Đồi Mát 5	180	60	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
109	471E16.7	Trạm biến áp Đồi Mát 6	250	80	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
110	471E16.7	Trạm biến áp Duyệt Trung 2	250	115	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
111	471E16.7	Trạm biến áp Ấp phan Nà Lũng	300	65,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
112	471E16.7	Trạm biến áp Khuổi Tít 5	250	82,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
113	471E16.7	Trạm biến áp Khuổi Tít 4	250	77,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
114	471E16.7	Trạm biến áp Khuổi Tít 2	180	92,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
115	471E16.7	Trạm biến áp Ngọc Trường	180	20,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
116	471E16.7	Trạm biến áp C.ty Hồng Hà	630	115	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
117	471E16.7	Trạm biến áp Đá xóm 8	320	24,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
118	471E16.7	Trạm biến áp HTX Ngôi Sao Sáng	320	83,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
119	471E16.7	Trạm biến áp Đồi Mát	250	70	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
120	471E16.7	Trạm biến áp Đồi Mát 4	250	80	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
121	471E16.7	Trạm biến áp Đồi Mát 2.1	250	76,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
122	471E16.7	Trạm biến áp Nà Lắc	400	101,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
123	471E16.7	Trạm biến áp Đông Y	250	57,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
124	471E16.7	Trạm biến áp Tân An 3	320	78,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
125	471E16.7	Trạm biến áp Địa Chất	320	82,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
126	471E16.7	Trạm biến áp Nà Hoàng	100	65	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
127	471E16.7	Trạm biến áp Tân An 2	320	113,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
128	471E16.7	Trạm biến áp Tân An	250	97,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
129	471E16.7	Trạm biến áp Tân An 2.1	180	61,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
130	473E16.7	Trạm biến áp Hoàng Nga 2	250	98,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
131	473E16.7	Trạm biến áp Khuổi Tít 3	180	109	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
132	473E16.7	Trạm biến áp Nà Cạn 4	250	87,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
133	473E16.7	Trạm biến áp Nà Cạn 12	250	101,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
134	473E16.7	Trạm biến áp Nà Cạn	400	112,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
135	473E16.7	Trạm biến áp Nà Cạn 5.1	250	108,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
136	473E16.7	Trạm biến áp Nà Cạn 5	250	98	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
137	473E16.7	Trạm biến áp Nà Cạn 9	250	91,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
138	473E16.7	Trạm biến áp Nà Cạn 10	320	98,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
139	373E16.1	Trạm biến áp Khuổi Hân	3x37,5	31	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
140	373E16.1	Trạm biến áp BT Ngũ Lão	180	28,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
141	373E16.1	Trạm biến áp Tại chức 3	180	35,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
142	373E16.1	Trạm biến áp Ngũ Lão 3	250	32,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
143	373E16.1	Trạm biến áp Cốc Bó	100	39	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
144	373E16.1	Trạm biến áp Ngũ Lão 1	100	30,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
145	373E16.1	Trạm biến áp Ngũ Lão 2	100	26,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
146	373E16.1	Trạm biến áp Bản Pháy	50	15	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
147	373E16.1	Trạm biến áp Nà Mẩn	50	12	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
148	373E16.1	Trạm biến áp Lũng Gà	50	14,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
149	373E16.1	Trạm biến áp CT. Ánh Dương	250	40,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
150	471E16.1	Trạm biến áp Hồ Khuổi Khoán	50	35,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
151	471E16.1	Trạm biến áp Đức Chính 4	320	76,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
152	471E16.1	Trạm biến áp Khuổi Khoán	50	24,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
153	471E16.1	Trạm biến áp Đức Chính 1	100	75,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
154	471E16.1	Trạm biến áp Vồ Đuẩn	100	65,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
155	471E16.1	Trạm biến áp Bản Thín	320	88,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
156	471E16.1	Trạm biến áp Vĩnh Quang 2	180	108,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
157	471E16.1	Trạm biến áp Nà Chiêm	250	97,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
158	471E16.1	Trạm biến áp Mạnh Ngọc 3	180	101,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
159	471E16.1	Trạm biến áp Mạnh Ngọc 2	250	56,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
160	471E16.1	Trạm biến áp Mạnh Ngọc 1	400	78,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
161	471E16.1	Trạm biến áp Mạnh Ngọc 4	180	87,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
162	476E16.1	Trạm biến áp Nước Hai 5	180	66,9	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
163	476E16.1	Trạm biến áp Nước Hai 2	250	83,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
164	476E16.1	Trạm biến áp Bản Vạn 2	180	56,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
165	476E16.1	Trạm biến áp Khu Giữa	250	103,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
166	476E16.1	Trạm biến áp Nước Hai 3	250	112,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
167	476E16.1	Trạm biến áp Nước Hai M2	180	108	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
168	476E16.1	Trạm biến áp Nước Hai 4	100	65,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
169	476E16.1	Trạm biến áp Bản Sầy 2	180	60	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
170	476E16.1	Trạm biến áp Bản Vạn	250	60	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
171	476E16.1	Trạm biến áp Bản Sầy	250	70	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
172	476E16.1	Trạm biến áp Cầu Khanh	180	70	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
173	476E16.1	Trạm biến áp Hồng Việt 4	100	65	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
174	476E16.1	Trạm biến áp Nà Sa	100	35	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
175	476E16.1	Trạm biến áp Nà Bua	100	40	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
176	476E16.1	Trạm biến áp Khuổi Vạ	50	32	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
177	476E16.1	Trạm biến áp Bãi Rác	50	8	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
178	476E16.1	Trạm biến áp Thuế Hòa An	180	36	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
179	476E16.1	Trạm biến áp Hoàng Bó	180	63	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
180	476E16.1	Trạm biến áp TT Thương Mại	180	81	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
181	372E16.1	Trạm biến áp Nà Trang	100	40	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
182	372E16.1	Trạm biến áp Bản Giỏi 4	180	72	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
183	372E16.1	Trạm biến áp Đền Đường	75	15	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
184	372E16.1	Trạm biến áp Bản Giỏi 1 M2	400	79,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
185	372E16.1	Trạm biến áp Bản Giỏi 2	250	76,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
186	372E16.1	Trạm biến áp Bản Giàng	100	45	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
187	372E16.1	Trạm biến áp Bản Giời 4	180	80	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
188	372E16.1	Trạm biến áp Lũng Lâu	31,5	7	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
189	372E16.1	Trạm biến áp Bản Tu	50	20	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
190	372E16.1	Trạm biến áp Khuổi Tền	31,5	8	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
191	372E16.1	Trạm biến áp Bom Yên Luật	250	25	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
192	372E16.1	Trạm biến áp Yên Luật	75	20	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
193	372E16.1	Trạm biến áp Chi cục Thuế	100	25	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
194	372E16.1	Trạm biến áp Trại lợn Hà Quảng	180	20	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
195	372E16.1	Trạm biến áp Dẻ Rào 2	100	56,9	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
196	372E16.1	Trạm biến áp Nhà Lèng	50	35,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
197	372E16.1	Trạm biến áp Thông Nông 1	400	101,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
198	372E16.1	Trạm biến áp Thông Nông 3	250	88,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
199	372E16.1	Trạm biến áp Bệnh viện	320	113,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
200	372E16.1	Trạm biến áp Ngọc Động	100	78,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
201	371E16.1	Trạm biến áp Nguyên Bình 3	180	63	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
202	371E16.1	Trạm biến áp Nguyên Bình 2	400	85	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
203	371E16.1	Trạm biến áp Nguyên Bình 4	250	100	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
204	371E16.1	Trạm biến áp Nguyên Bình 5	400	110	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
205	371E16.1	Trạm biến áp Nguyên Bình 6	250	100	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
206	371E16.1	Trạm biến áp Pác Măn	100	34,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
207	371E16.1	Trạm biến áp Pác Măn 2	100	20	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
208	371E16.1	Trạm biến áp Kéo Thỏ	100	90	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
209	371E16.1	Trạm biến áp Tĩnh Túc 1	250	71,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
210	371E16.1	Trạm biến áp Tĩnh Túc 2	320	72,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
211	371E16.1	Trạm biến áp Tĩnh Túc 3	100	70	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
212	371E16.1	Trạm biến áp Tĩnh Túc 4	250	125	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
213	371E16.1	Trạm biến áp Thẽ Dục 1	75	30	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
214	371E16.1	Trạm biến áp Thẽ Dục 2	100	45	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
215	371E16.1	Trạm biến áp Thẽ Dục 3	75	30,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
216	371E16.1	Trạm biến áp Lũng Nặm	50	22	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
217	371E16.1	Trạm biến áp Lũng Tỳ	50	20	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
218	371E16.1	Trạm biến áp Lũng Nọi	50	18	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
219	371E16.1	Trạm biến áp Tiến Lực	320	16	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
220	371E16.1	Trạm biến áp Khánh Hồng Quang	250	75	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
221	371E16.1	Trạm biến áp Kho bạc	75	30	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
					Bình	
222	371E16.1	Trạm biến áp Bảo hiểm	75	30	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
223	371E16.1	Trạm biến áp UB Tĩnh Túc	180	40	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
224	377E16.6	Trạm biến áp Thượng Hà	250	50	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
225	377E16.6	Trạm biến áp Bảo Lạc 10	250	37,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
226	377E16.6	Trạm biến áp Nà Chùa	180	72	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
227	377E16.6	Trạm biến áp Bảo Lạc 2	250	62,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
228	377E16.6	Trạm biến áp Bảo Lạc 3	100	65	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
229	377E16.6	Trạm biến áp Bảo Lạc 4	75	33,75	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
230	377E16.6	Trạm biến áp Nội Trú	250	62,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
231	377E16.6	Trạm biến áp Bảo Lạc 5	100	40	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
232	377E16.6	Trạm biến áp Bảo Lạc 6	250	55	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
233	377E16.6	Trạm biến áp Kho bạc	75	18	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
234	377E16.6	Trạm biến áp Bảo hiểm	75	20	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
235	377E16.6	Trạm biến áp Cấp nước thị trấn	100	10	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
236	377E16.6	Trạm biến áp Đoàn KTQP 799	180	25,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
237	371E16.6	Trạm biến áp Khu 4	100	50	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
238	371E16.6	Trạm biến áp Bảo Lâm 4	320	82,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
239	371E16.6	Trạm biến áp Pác Miều 2	320	63	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
240	371E16.6	Trạm biến áp Mây Rại	180	56,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
241	371E16.6	Trạm biến áp Mây Rại 2	75	28,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
242	371E16.6	Trạm biến áp Khu 1	180	45	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
243	371E16.6	Trạm biến áp TDTT Mông Ân	500	10,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
244	371E16.6	Trạm biến áp Công an	180	18,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
245	371E16.6	Trạm biến áp XL nước	50	11,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
246	372E16.3	Trạm biến áp Huyện Đội	160	21,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
247	372E16.3	Trạm biến áp Hạ Lang 5	320	87,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
248	372E16.3	Trạm biến áp Hạ Lang 3	250	75,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
249	372E16.3	Trạm biến áp Hạ Lang 1	320	78,9	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
250	372E16.3	Trạm biến áp Huyện Du	100	48	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
251	372E16.3	Trạm biến áp Hạ Lang 4	100	50	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
252	372E16.3	Trạm biến áp Sộc Quân	100	42	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
253	372E16.3	Trạm biến áp Hạ Lang 4	100	35	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
254	372E16.3	Trạm biến áp Việt Chu 1	180	30	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
255	372E16.3	Trạm biến áp Việt Chu 2	100	25,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
256	372E16.3	Trạm biến áp Việt Chu 3	180	32	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
257	372E16.3	Trạm biến áp Việt Chu 4	100	27,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
258	372E16.3	Trạm biến áp Thị Hoa 1	180	30	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
259	372E16.3	Trạm biến áp Thị Hoa 3	180	30	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
260	372E16.3	Trạm biến áp Đức Thái 1	75	35	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
261	372E16.3	Trạm biến áp Đức Thái 2	31,5	12	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
262	372E16.3	Trạm biến áp Đức Thái 3	50	28	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
263	372E16.3	Trạm biến áp Hải quan Bí Hà	180	40	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
264	372E16.3	Trạm biến áp Quốc Hương	560	65	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
265	372E16.3	Trạm biến áp Tổng Nưa	50	22,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
266	372E16.3	Trạm biến áp Bãi trong	380	82,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
267	372E16.3	Trạm biến áp Thị Hoa 2	75	20,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
268	372E16.3	Trạm biến áp Khu Đâu	50	23,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
269	372E16.3	Trạm biến áp Mã Quỳnh	50	21,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
270	372E16.3	Trạm biến áp Thôm Cương	100	45,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
271	373E16.3	Trạm biến áp GKN	400	78,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
272	373E16.3	Trạm biến áp GKN	750	56,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
273	373E16.3	Trạm biến áp ATK	100	43,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
274	373E16.3	Trạm biến áp Pác Cam	180	58,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
275	373E16.3	Trạm biến áp Quảng Uyên 6	100	69,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
276	373E16.3	Trạm biến áp Pác Cam	180	93,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
277	373E16.3	Trạm biến áp Quảng Hưng 1	100	60	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
278	373E16.3	Trạm biến áp Quảng Hưng 2	75	25	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
279	379E16.3	Trạm biến áp Nà Cườm	2x37,5 + 1x50	23,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
280	379E16.3	Trạm biến áp Bản Làng	50	21,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
281	379E16.3	Trạm biến áp Nặm Phan	1x37,5	15,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
282	379E16.3	Trạm biến áp Phố Cũ	250	90	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
283	379E16.3	Trạm biến áp Đông Thái	100	25	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
284	379E16.3	Trạm biến áp Hòa Chung	400	120	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
285	379E16.3	Trạm biến áp Kho bạc	75	26	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
286	379E16.3	Trạm biến áp Đồng Ất	75	27,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
287	379E16.3	Trạm biến áp Quảng Uyên 2	400	120,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
288	379E16.3	Trạm biến áp Đồng Thái	400	125,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
289	379E16.3	Trạm biến áp Huyện Đội	160	65,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
290	373E16.7	Trạm biến áp Đông Khê 1	180	76,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
291	373E16.7	Trạm biến áp Đông Khê 3	100	65	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
292	373E16.7	Trạm biến áp Đông Khê 4	100	60,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
293	373E16.7	Trạm biến áp Đông Khê 5	75	30,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
294	373E16.7	Trạm biến áp Đông Khê 6	250	80	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
295	373E16.7	Trạm biến áp Đông Khê 8	180	40	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
296	373E16.7	Trạm biến áp Đông Khê 9	180	54	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
297	373E16.7	Trạm biến áp Đông Khê 10	180	75	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
298	373E16.7	Trạm biến áp Đông Khê 11	320	80	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
299	373E16.7	Trạm biến áp Lê Lai	75	37,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
300	373E16.7	Trạm biến áp Lê Lai 2	100	70	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
301	373E16.7	Trạm biến áp Ràng Kheo	100	45	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
302	373E16.7	Trạm biến áp Đông Khê 2 (M1)	400	65,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
303	373E16.7	Trạm biến áp Nà Cúm	100	30,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
304	373E16.7	Trạm biến áp Lũng Buốt	50	12	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
305	373E16.7	Trạm biến áp Nà Trang	100	20	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
306	373E16.7	Trạm biến áp Đòong Lặng	100	22	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
307	373E16.7	Trạm biến áp Nà Dề	50	15,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
308	373E16.7	Trạm biến áp Khau Tuồng	37,5	10	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
309	373E16.7	Trạm biến áp Xuất Nhập Khẩu	100	15	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
310	373E16.7	Trạm biến áp Kho bạc	75	35	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
311	373E16.7	Trạm biến áp Chi cục thuế	160	38	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
312	373E16.7	Trạm biến áp Đức Giang	100	41	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
313	373E16.7	Trạm biến áp bảo hiểm	75	25	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
314	373E16.7	Trạm biến áp Lũng Muôn	100	35,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
315	373E16.7	Trạm biến áp Lũng Gia	50	13,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
316	373E16.7	Trạm biến áp Phía Khoang	180	89,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
317	373E16.7	Trạm biến áp Trùng Khánh 5	250	98,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
318	373E16.7	Trạm biến áp Quặng Nà Num	250	87,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
319	373E16.7	Trạm biến áp Phong Nặm	180	75,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
320	373E16.7	Trạm biến áp Trung tâm XNK TK	250	67,9	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
321	373E16.3	Trạm biến áp Cảnh Tiên 3	180	30	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
322	373E16.3	Trạm biến áp Kéo Tác 2	100	35	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
323	373E16.3	Trạm biến áp Trùng Khánh 7	250	98,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
324	373E16.3	Trạm biến áp Trùng Khánh 2	320	106,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
325	373E16.3	Trạm biến áp Trùng Khánh 2a	180	72	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
326	373E16.3	Trạm biến áp Trùng Khánh 6	250	90	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
327	373E16.3	Trạm biến áp Trùng Khánh 4	250	75	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
328	373E16.3	Trạm biến áp Trùng Khánh 8	250	90	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
329	373E16.3	Trạm biến áp Trùng Khánh 3	180	73	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
330	373E16.3	Trạm biến áp Bản Đà	180	50	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
331	373E16.3	Trạm biến áp Đình Minh 2	100	46	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
332	373E16.3	Trạm biến áp Hùng Thắm	400	46,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
333	373E16.3	Trạm biến áp Thắng Huyền 2	450	94,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
					Khánh	
334	373E16.3	Trạm biến áp KS Đình Văn	250	70,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
335	373E16.3	Trạm biến áp KS Đình Văn 2	400	102,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
336	374E16.3	Trạm biến áp BCH Quân sự	100	26,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
337	374E16.3	Trạm biến áp Trà Lĩnh 3	50	23,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
338	374E16.3	Trạm biến áp Công an	50	25,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
339	374E16.3	Trạm biến áp Nhà Thầu	250	45,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
340	374E16.3	Trạm biến áp Thị trấn	400	93,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
341	374E16.3	Trạm biến áp Bom	350	75,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
342	374E16.3	Trạm biến áp Tổng Sóng	100	41,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
343	374E16.3	Trạm biến áp Đông Ri	180	56,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
344	374E16.3	Trạm biến áp Bản Làng 2	630	97,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
345	374E16.3	Trạm biến áp Háng Páo 1	250	86,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
346	374E16.3	Trạm biến áp Thu Công 2	400	93,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
347	374E16.3	Trạm biến áp Thu Công 1	560	91,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

STT	Tên đường dây đang cấp điện	Tên trạm biến áp công cộng	Công suất đặt (kVA)	Công suất dự kiến (kW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt
348	374E16.3	Trạm biến áp Du Trọng Đại 2	500	76,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
349	374E16.3	Trạm biến áp Q. Anh	560	67,9	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
350	374E16.3	Trạm biến áp du Trọng Đại 4	400	72,8	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
351	374E16.3	Trạm biến áp Linh Giang	380	47,9	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
352	374E16.3	Trạm biến áp KSL ngành	400	45,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
353	374E16.3	Trạm biến áp Bản Hĩa	320	87,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp
354	374E16.3	Trạm biến áp Tân Lập	75	23,6	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt Aptomat tổng trạm biến áp

Phụ lục III

Phụ tải sinh hoạt, cơ quan và sản xuất nhỏ không lẫn vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 cấp điện cho khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang (nhóm 2b)

(Kèm theo Quyết định số: 2376/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Thứ tự cắt	Tên đường dây cắt	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt điện	Thao tác từ SCADA hay thao tác tại chỗ	Ghi chú
1	Phân đoạn sau dao cắt phụ tải 472E16.1/43 đến dao cách ly 472E16.1-7/59	Một phần phường Nùng Trí Cao	1,30	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt dao cắt phụ tải 472E16.1/43, dao cách ly 472E16.1-7/59	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển và tại chỗ	
2	Phân đoạn sau dao cắt phụ tải 473E16.7/108 đến dao cắt phụ tải 473E16.7/118/2	Một phần phường Nùng Trí Cao	0,60	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt dao cắt phụ tải 473E16.7/108; dao cắt phụ tải 473E16.7/118/2; đóng dao cắt phụ tải 473E16.7/118/17	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển và tại chỗ	
3	Phân đoạn sau máy cắt 471E16.7 đến dao cắt phụ tải 471E16.7/72	Một phần phường Tân Giang	1,00	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt máy cắt 471E16.7; dao cắt phụ tải 471E16.7/72	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
4	Phân đoạn sau máy cắt 474E16.1/19/5/6	Khu vực Đồng Tâm, phường Thục Phán	0,80	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt máy cắt 474E16.1-7/19/5/6	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
5	Phân đoạn sau máy cắt 471E16./41/3B	Một phần phường Nùng Trí Cao	1,40	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt máy cắt máy cắt 471E16.1-7/41/3b	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
6	Phân đoạn sau máy cắt 471E16.7 đến 472E16.1/104/1/2 đến máy cắt 472E16.1/80	Khu vực Nà Cạn, Suối Cùn, Sông Bằng thuộc phường Nùng Trí Cao	2,00	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Thực hiện theo phiếu thao tác, chuyển sau dao cắt phụ tải 472E16.1/104/2 cấp điện bằng 471E16.7	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	

Thứ tự cắt	Tên đường dây cắt	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt điện	Thao tác từ SCADA hay thao tác tại chỗ	Ghi chú
7	Phân đoạn sau dao cách ly 477E16.1-7/15 đến máy cắt 477E16.1/38 đến máy cắt 477E16.1/61/1/7/1	Một phần phường Thục Phán	2,10	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt dao cách ly 477E16.1-7/15, máy cắt 477E16.1/61/1/7/1	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển và tại chỗ	
8	Phân đoạn sau dao cách ly 473E16.1-7/9/1a đến dao cắt phụ tải 473E16.1/9/18 đến dao cắt phụ tải 473E16.1/9/6/1a	Một phần phường Thục Phán	0,70	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt dao cách ly 473E16.1-7/9/1a,	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển và tại chỗ	
9	Phân đoạn sau máy cắt 472E16.1/69/0 đến tủ R4 472E16.1 đến dao cách ly 477E16.1-7/59/1	Một phần phường Thục Phán	1,40	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt máy cắt 472E16.1/69/0	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
10	Phân đoạn sau dao cắt phụ tải 477E16.1-7/47 đến dao cách ly 477E16.1-7/51	Một phần phường Thục Phán và khách sạn Mường Thanh	0,80	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt dao cắt phụ tải 477E16.1-7/47 đến dao cách ly	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	

Phụ lục IV

Phụ tải sinh hoạt và sản xuất nhỏ khu vực nông thôn các xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (nhóm 2c)
(Kèm theo Quyết định số: 2376/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Thứ tự cắt	Tên đường dây cắt	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt điện	Thao tác từ SCADA hay thao tác tại chỗ	Ghi chú
1	Phân đoạn sau dao cắt phụ tải 373E16.1/58	Một phần xã Nguyễn Huệ, 02 lò luyện feromangan nhà máy Nikko	6,80	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang, Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt dao cắt phụ tải 373E16.1/58	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
2	Phân đoạn sau dao cách ly 375E16.7-7/45 đến máy cắt 373E16.1/129	Một phần xã Nguyễn Huệ, Kim Đồng	1,00	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt máy cắt 373E16.1/129	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
3	Phân đoạn sau máy cắt 371E16.1 đến máy cắt 371E16.1/61 đến 371E16.1/16/30	Một phần phường Thục Phán, một phần xã Bạch Đằng	1,90	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt máy cắt 371E16.1, 371E16.1/16/30	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
4	Phân đoạn sau máy cắt 371E16.1/16/61 đến dao cắt phụ tải 371E16.1/179/44/33	Một phần xã Bạch Đằng	0,90	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt máy cắt 371E16.1/16/61	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
5	Phân đoạn sau máy cắt 371E16.7	Một phần phường Tân Giang, một phần xã Minh Khai, Canh Tân	2,80	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	Cắt máy cắt 371E16.7	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
6	Phân đoạn sau máy cắt 373E16.7 đến dao cắt phụ tải 373E16.7/201	Một phần phường Tân Giang, một phần xã Kim Đồng, Thạch An, Đông Khê	2,20	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang, Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt máy cắt 373E16.7, cắt dao cắt phụ tải 373E16.7/201	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	

Thứ tự cắt	Tên đường dây cắt	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt điện	Thao tác từ SCADA hay thao tác tại chỗ	Ghi chú
7	Phân đoạn sau máy cắt 471E16.1 đến dao cắt phụ tải 471E16.1/41/100a đến dao cắt phụ tải 471E16.1/85/1	Một phần phường Thục Phán, một phần xã Hòa An	0,80	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt máy cắt 471E16.1	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
8	Phân đoạn sau máy cắt 471E16.1/113 đến dao cắt phụ tải 471E16.1/41/100a	Một phần xã Hòa An, Nam Tuấn	1,30	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt máy cắt 471E16.1/113	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
9	Phân đoạn sau máy cắt 476E16.1 đến dao cắt phụ tải 471E16.1/80	Một phần xã Hòa An	0,90	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt máy cắt 476E16.1, cắt dao cắt phụ tải 471E16.1/80	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
10	Phân đoạn sau máy cắt 372E16.1 đến dao cắt phụ tải 372E16.1/41	Một phần phường Thục Phán, một phần xã Hòa An	2,00	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt máy cắt 372E16.1, cắt dao cắt phụ tải 372E16.1/41	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
11	Phân đoạn sau máy cắt 372E16.1/69/5	Một phần xã Hòa An	0,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt máy cắt 372E16.1/69/5	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
12	Phân đoạn sau máy cắt 372E16.1/85 đến dao cắt phụ tải 372E16.1/108 đến dao cắt phụ tải 372E16.1/106/54	Một phần xã Nam Tuấn	3,20	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt máy cắt 372E16.1/85, cắt dao cắt phụ tải 372E16.1/108, cắt dao cắt phụ tải 372E16.1/106/54	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
13	Phân đoạn sau dao cách ly 372E16.1/141/1	Một phần xã Nam Tuấn	0,40	Đội quản lý Điện lực khu vực Hòa An	Cắt dao cách ly 372E16.1/141/1	Cắt tại chỗ	
14	Phân đoạn sau máy cắt 372E16.1/143 đến dao cắt phụ tải 372E16.1/224	Xã Hà Quảng, một phần xã Nam Tuấn	1,50	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt máy cắt 372E16.1/143, cắt dao cắt phụ tải 372E16.1/224	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	

Thứ tự cắt	Tên đường dây cắt	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt điện	Thao tác từ SCADA hay thao tác tại chỗ	Ghi chú
15	Phân đoạn sau dao cách ly 372E16.1/263/1	Một phần xã Trường Hà	0,60	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt dao cách ly 372E16.1/263/1	Cắt tại chỗ	
16	Phân đoạn sau máy cắt 372E16.1/291 đến dao cắt phụ tải 372E16.1/440	Một phần xã Lũng Nặm, Tổng Cột	0,80	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt máy cắt 372E16.1/291	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
17	Phân đoạn sau máy cắt 372E16.1/289/7 đến dao cắt phụ tải 372E16.1/289/48/15	Một phần xã Trường Hà	0,50	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt máy cắt 372E16.1/289/7	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
18	Phân đoạn sau dao cắt phụ tải 372E16.1/106/54 đến DPT 372E16.1/106/86/1 đến dao cắt phụ tải 372E16.1/289/48/15	Một phần xã Thông Nông, Cần Yên	0,90	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt dao cắt phụ tải 372E16.1/106/54, cắt DPT 372E16.1/106/86/1	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển và tại chỗ	
19	Phân đoạn sau máy cắt 372E16.1/106/86/9/1	Một phần xã Thanh Long	0,40	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt máy cắt 372E16.1/106/86/9/1	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
20	Phân đoạn sau máy cắt 372E16.1/106/86/10 đến dao cắt phụ tải 372E16.1/289/48/15	Một phần xã Thanh Long	0,50	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	Cắt máy cắt 372E16.1/106/86/10	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
21	Phân đoạn sau máy cắt 378E16.1 đến dao cắt phụ tải 371E16.1/174 đến dao cắt phụ tải 372E16.1/106/86/9/66	Xã Minh Tâm, một phần xã Nguyên Bình (Xã Lang Môn, Minh Tâm, Vũ Minh, Thái Học - Nguyên Bình, Trương Lương - Hòa An)	1,70	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt máy cắt 378E16.1, cắt dao cắt phụ tải 371E16.1/174	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
22	Phân đoạn sau máy cắt 371E16.1/179/2 đến dao cắt phụ tải 371E16.1/179/44/33	Xã Tam Kim	0,50	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt máy cắt 371E16.1/179/2	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	

Thứ tự cắt	Tên đường dây cắt	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt điện	Thao tác từ SCADA hay thao tác tại chỗ	Ghi chú
23	Phân đoạn sau máy cắt 371E16.1/217/3	Một phần xã Thành Công	0,40	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt máy cắt 371E16.1/217/3	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
24	Phân đoạn sau máy cắt 371E16.1/219/5	Một phần xã Tĩnh Túc	0,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt máy cắt 371E16.1/219/5	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
25	Phân đoạn sau dao cắt phụ tải 371E16.1/246c đến máy cắt 371E16.1/317a	Xã Ca Thành, Phan Thanh, một phần xã Thành Công, một phần xã Tĩnh Túc	1,10	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	Cắt dao cắt phụ tải 371E16.1/246c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
26	Phân đoạn sau máy cắt 373E16.7/240 đến dao cắt phụ tải 373E16.7/304	Một phần xã Đông Khê, Đức Long	0,90	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt máy cắt 373E16.7/240	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
27	Phân đoạn sau máy cắt 373E16.7/234/17 đến dao cắt phụ tải 375E16.3/166/57	Một phần xã Thạch An, Đức Long	0,80	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	Cắt máy cắt 373E16.7/234/17	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
28	Phân đoạn sau máy cắt 377E16.3	Một phần xã Hạnh Phúc	0,80	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt máy cắt 377E16.3	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
29	Phân đoạn sau máy cắt 375E16.3 đến dao cách ly 375E16.3/163	Một phần xã Hạnh Phúc, Bể Văn Đàn	1,00	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt máy cắt 375E16.3, cắt dao cách ly 375E16.3/163	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
30	Phân đoạn sau máy cắt 375E16.3/165a	Một phần xã Thạch An, Phục Hòa	0,80	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt máy cắt 375E16.3/165a	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
31	Phân đoạn sau máy cắt 374E16.3 đến dao cắt phụ tải 374E16.3/167	Một phần xã Trà Lĩnh, Quang Hán, Quảng Uyên, nhà máy Nikko 1 (Xã Phúc Sen, Quảng Hưng, Quốc Toản, Phi Hải, Cao Chương, Quang Vinh, nhà máy Nikko 1 - Quảng Hòa)	8,00	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt máy cắt 374E16.3, cắt dao cắt phụ tải 374E16.3/167	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
32	Phân đoạn sau dao cắt phụ tải 376E16.3/233/2	Một phần xã Bể Văn Đàn	0,60	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt dao cắt phụ tải 376E16.3/233/2	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	

Thứ tự cắt	Tên đường dây cắt	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt điện	Thao tác từ SCADA hay thao tác tại chỗ	Ghi chú
33	Phân đoạn sau dao cách ly 373E16.3/38 đến máy cắt 373E16.3/65a	Xã Độc Lập	0,70	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt dao cách ly 373E16.3/38, cắt máy cắt 373E16.3/65a	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
34	Phân đoạn sau máy cắt 371E16.3	Một phần xã Phục Hòa, Bể Văn Đàn, Quảng Uyên	2,70	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt máy cắt 371E16.3	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
35	Phân đoạn sau máy cắt 372E16.3 đến máy cắt 372E16.3/173	Một phần xã Độc Lập	0,70	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	Cắt máy cắt 372E16.3, cắt máy cắt 372E16.3/173	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
36	Phân đoạn sau máy cắt 374E16.3/174/13 đến dao cắt phụ tải 372E16.1/404	Một phần xã Quang Hán	0,90	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt máy cắt 374E16.3/174/13	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
37	Phân đoạn sau máy cắt 374E16.3/176/4	Một phần xã Trà Lĩnh	0,70	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt máy cắt 374E16.3/176/4	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
38	Phân đoạn sau máy cắt 374E16.3/190 đến dao cắt phụ tải 373E16.3/180/63a	Một phần xã Quang Trung	0,60	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt máy cắt 374E16.3/190	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
39	Phân đoạn sau máy cắt 373E16.3/180/8 đến dao cắt phụ tải 373E16.3/180/63a	Một phần xã Trùng Khánh, Đình Phong	1,40	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt máy cắt 373E16.3/180/8	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
40	Phân đoạn sau máy cắt 373E16.3/65a đến dao cắt phụ tải 373E16.3/159	Xã Đoài Dương, một phần xã Trùng Khánh	1,50	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt máy cắt 373E16.3/65a, cắt dao cắt phụ tải 373E16.3/159	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
41	Phân đoạn sau máy cắt 373E16.3/251	Một phần xã Đàm Thủy, Đình Phong	1,80	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	Cắt máy cắt 373E16.3/251	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
42	Phân đoạn sau dao cách ly 372E16.3-7/192/1	Một phần xã Vinh Quý	0,30	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt dao cách ly 372E16.3-7/192/1	Cắt tại chỗ	

Thứ tự cắt	Tên đường dây cắt	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Phương thức cắt điện	Thao tác từ SCADA hay thao tác tại chỗ	Ghi chú
43	Phân đoạn sau máy cắt 372E16.3/197 đến 372E16.3/232	Một phần xã Vinh Quý	0,40	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt máy cắt 372E16.3/197, cắt 372E16.3/232	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
44	Phân đoạn sau máy cắt 372E16.3/233/5 đến dao cắt phụ tải 376E16.3/233/6/3	Một phần xã Vinh Quý	0,30	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt máy cắt 372E16.3/233/5	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
45	Phân đoạn sau máy cắt 372E16.3/258	Xã Quang Long, một phần xã Lý Quốc	1,30	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt máy cắt 372E16.3/258	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
46	Phân đoạn sau dao cách ly 372E16.3/257/51	Một phần xã Hạ Lang	0,90	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	Cắt dao cách ly 372E16.3/257/51	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển và tại chỗ	
47	Phân đoạn sau máy cắt 373E16.6	Xã Nam Quang, Quảng Lâm, một phần xã Yên Thổ, nhà máy CKC	4,70	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	Cắt máy cắt 373E16.6	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
48	Phân đoạn sau máy cắt 377E16.6 đến máy cắt 377E16.6/138	Một phần xã Lý Bôn, Bảo Lâm, Bảo Lâm, Cô Ba	1,60	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm, Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt máy cắt 377E16.6, cắt máy cắt 377E16.6/138	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
49	Phân đoạn sau dao cắt phụ tải 371E16.6/49/8	Một phần xã Lý Bôn	0,40	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	Cắt dao cắt phụ tải 371E16.6/49/8	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
50	Phân đoạn sau máy cắt 377E16.6/169 đến máy cắt 371E16.1/317a đến dao cắt phụ tải 377E16.6/240/106	Xã Huy Giáp, Sơn Lộ, một phần xã Hưng Đạo, Bảo Lạc	1,50	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt máy cắt 377E16.6/169	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
51	Phân đoạn sau máy cắt 377E16.6/148/3/10 đến 377E16.6/240/106	Một phần xã Phan Thanh, Cô Ba, Khánh Xuân, Xuân Trường	1,30	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt máy cắt 377E16.6/148/3/10	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
52	Phân đoạn sau máy cắt 377E16.6/148/5	Xã Cốc Pàng	0,60	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	Cắt máy cắt 377E16.6/148/5	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	

Phụ lục V

Phụ tải các trạm biến áp cấp điện thi công Đường cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (nhóm 3a)
(Kèm theo Quyết định số: 2376/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên trạm biến áp	Khu vực mất điện	Đơn vị quản lý vận hành	Công suất dự kiến (kW)	Cắt từ SCADA hay tại chỗ	Ghi chú
1	Trạm biến áp Long Giang	Trạm biến áp Long Giang	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	70	Cắt tại chỗ	
2	Trạm biến áp Long Giang 2	Trạm biến áp Long Giang 2	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	110	Cắt tại chỗ	
3	Trạm biến áp Hải Đăng	Trạm biến áp Hải Đăng	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	135	Cắt tại chỗ	
4	Trạm biến áp Hải Đăng 2	Trạm biến áp Hải Đăng 2	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	108	Cắt tại chỗ	
5	Trạm biến áp Khang Nguyên	Trạm biến áp Khang Nguyên	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	125	Cắt tại chỗ	
6	Trạm biến áp Hà Sơn	Trạm biến áp Hà Sơn	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	130	Cắt tại chỗ	
7	Trạm biến áp CTCPXD CT 568	Trạm biến áp CTCPXD CT 568	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	116	Cắt tại chỗ	
8	Trạm biến áp Nghiền bê tông	Trạm biến áp Nghiền bê tông	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	180	Cắt tại chỗ	
9	Trạm biến áp Hàm 2 phía Đông	Trạm biến áp Hàm 2 phía Đông	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	120	Cắt tại chỗ	
10	Trạm biến áp Hàm 2 phía Tây	Trạm biến áp Hàm 2 phía Tây	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	110	Cắt tại chỗ	
11	Trạm biến áp Cùm cầu KM70	Trạm biến áp Cùm cầu KM70	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	90	Cắt tại chỗ	
12	Trạm biến áp VLXD 1000kVA	Trạm biến áp VLXD 1000kVA	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	210	Cắt tại chỗ	
13	Trạm biến áp BDH	Trạm biến áp BDH	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	100	Cắt tại chỗ	
14	Trạm biến áp Km 75	Trạm biến áp Km 75	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	80,00	Cắt tại chỗ	
15	Trạm biến áp Km 77	Trạm biến áp Km 77	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	95	Cắt tại chỗ	
16	Trạm biến áp Km 79	Trạm biến áp Km 79	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	86	Cắt tại chỗ	
17	Trạm biến áp VLXD M2	Trạm biến áp VLXD M2	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	62	Cắt tại chỗ	

Phụ lục VI**Phụ tải sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh (nhóm 3b)***(Kèm theo Quyết định số: 2376/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

STT	Tên đường dây cấp điện	Khu vực mất điện	Phương thức cắt	Công suất dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Ghi chú
1	373 E16.1	Nhà máy Nikko 2	Tiết giảm tại nhà máy	4,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	
2	374 E16.3	Nhà máy Nikko 1	Tiết giảm tại nhà máy	5,0	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	
3	371 E16.3	Nhà máy Mía đường Phục Hòa	Tiết giảm tại nhà máy	1,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	
4	373E16.6	Công ty Cổ phần khoáng sản Hưng Thịnh Cao Bằng (Nhà máy CKC)	Tiết giảm tại nhà máy	2,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	
5	375E16.7	Nhà máy Niken Tân Phát	Tiết giảm tại nhà máy	5,0	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	
6		Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng	Tiết giảm tại nhà máy	2,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	
7	373E16.1	Nhà máy Feromangan Trung Vương	Tiết giảm tại nhà máy	5,0	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	

Mức công suất của EVN	Mức Công suất của NPC	Mức Công suất của PCCB	Tên phần tử cắt điện/ tiết giảm điện	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Công suất lũy kế dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Nhóm phụ tải	Thao tác/ Giám sát từ SCADA hay tại chỗ	Ghi chú
2100	948	5.8	nhà máy Feromangan Trung Vương	dừng vận hành			lực khu vực Bằng Giang		tâm điều khiển	
2200	990	6.0								
2300	1032	6.3								
2400	1073	6.5								
2500	1115	6.8								
2600	1157	7.1								
2700	1198	7.3								
2800	1240	7.6								
2900	1282	7.8								
3000	1324	8.1								
3100	1365	8.3								
3200	1407	8.6								
3300	1449	8.8								
3400	1490	9.1								
3500	1532	9.3								
3600	1574	9.6								
3700	1616	9.8								
3800	1657	10.1								
3900	1699	10.4								
4000	1741	10.6								
4100	1783	10.9	Nhà máy Nikko lò 1, nhà máy Nikko lò 2, nhà máy Feromangan Trung Vương	Cả ba nhà máy dừng vận hành	5,00	15,00	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	3b	Giám sát từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
4200	1824	11.1								
4300	1866	11.4								
4400	1908	11.6								
4500	1949	11.9								
4600	1991	12.1								
4700	2033	12.4								
4800	2075	12.6								

[illegible]

Mức công suất của EVN	Mức Công suất của NPC	Mức Công suất của PCCB	Tên phần tử cắt điện/ tiết giảm điện	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Công suất lũy kế dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Nhóm phụ tải	Thao tác/ Giám sát từ SCADA hay tại chỗ	Ghi chú
10400	4411	26.9								
10500	4453	27.1	Cắt dao cắt phụ tải 371E16.1/246c	Xã Ca Thành, Phan Thanh, một phần xã Thành Công, một phần xã Tĩnh Túc	1,1	28,0	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	2c	Tủ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
10600	4495	27.4								
10700	4536	27.6								
10800	4578	27.9								
10900	4620	28.2	Cắt máy cắt 373E16.3/180/8	Một phần xã Trùng Khánh, Đình Phong	1,4	29,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	2c	Tủ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
11000	4661	28.4								
11100	4703	28.7								
11200	4745	28.9								
11300	4787	29.2								
11400	4828	29.4								
11500	4870	29.7	Cắt máy cắt 372E16.1/291	Một phần xã Lũng Nặm, Tổng Cột	0,8	30,2	Đội quản lý Điện lực khu vực Hà Quảng	2c	Tủ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
11600	4912	29.9								
11700	4953	30.2								
11800	4995	30.4	Cắt máy cắt 372E16.3/258	Xã Quang Long, một phần xã Lý Quốc	1,3	31,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	2c	Tủ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
11900	5037	30.7								
12000	5079	31.0								
12100	5120	31.2								
12200	5162	31.5								
12300	5204	31.7	Cắt máy cắt 371E16.3/59 đến máy cắt 371E16.3/123/39/35	Một phần xã Phục Hòa, Bế Văn Đàn	1,2	32,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng	2c	Tủ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
12400	5246	32.0								
12500	5287	32.2								
12600	5329	32.5								

Mức công suất của EVN	Mức Công suất của NPC	Mức Công suất của PCCB	Tên phần tử cắt điện/ tiết giảm điện	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Công suất lũy kế dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Nhóm phụ tải	Thao tác/ Giám sát từ SCADA hay tại chỗ	Ghi chú
12700	5371	32.7					Hòa			
12800	5412	33.0	Cắt máy cắt 377E16.3	Một phần xã Hạnh Phúc	0,8	33,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
12900	5454	33.2								
13000	5496	33.5								
13100	5538	33.7	Cắt máy cắt 373E16.7/234/17	Một phần xã Thạch An, Đức Long	0,8	34,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
13200	5579	34.0								
13300	5621	34.3								
13400	5663	34.5	Cắt máy cắt 371E16.7	Một phần phường Tân Giang, một phần xã Kim Đồng, Thạch An, Đông Khê	2,8	37,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
13500	5705	34.8								
13600	5746	35.0								
13700	5788	35.3								
13800	5830	35.5								
13900	5871	35.8								
14000	5913	36.0								
14100	5955	36.3								
14200	5997	36.5								
14300	6038	36.8								
14400	6080	37.1	Cắt máy cắt 377E16.6	Một phần xã Lý Bôn, Bảo Lâm, Bảo Lâm, Cô Ba	1,60	38,70	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
14500	6122	37.3								
14600	6163	37.6								
14700	6205	37.8								
14800	6247	38.1								
14900	6289	38.3								
15000	6330	38.6								

Phụ lục VIII

Kịch bản tiết giảm điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu công suất trong chế độ cực kỳ khẩn cấp theo VB 2496/EVNNPC-KT ngày 02/06/2023 (từ 17h00 đến 7h00 sáng hôm sau)

(Kèm theo Quyết định số: 2376/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Mức công suất của EVN	Mức Công suất của NPC	Mức Công suất của PCCB	Tên phần tử cắt điện	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Công suất lũy kế dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Nhóm phụ tải	Thao tác từ SCADA hay tại chỗ	Ghi chú
100	52	0,4	Nhà máy Nikko lò 1, nhà máy Nikko lò 2, nhà máy Feromangan Trung Vương	Một trong các nhà máy dừng vận hành	5,00	5,00	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	3b	Giám sát từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
200	105	0,8								
300	157	1,2								
400	209	1,6								
500	261	2								
600	301	2,3								
700	342	2,6								
800	382	2,9								
900	422	3,2								
1000	462	3,5								
1100	502	3,8								
1200	542	4,1								
1300	582	4,4								
1400	622	4,7								
1500	662	5								
1600	702	5,3	Nhà máy Nikko lò 1, nhà máy Nikko lò 2, nhà máy Feromangan Trung Vương	Hai trong ba nhà máy dừng vận hành	5,00	10,00	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	3b	Giám sát từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
1700	742	5,6								
1800	783	5,9								
1900	823	6,2								
2000	863	6,5								
2100	903	6,8								

Mức công suất của EVN	Mức Công suất của NPC	Mức Công suất của PCCB	Tên phần tử cắt điện	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Công suất lũy kế dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Nhóm phụ tải	Thao tác từ SCADA hay tại chỗ	Ghi chú
2200	943	7,1								
2300	983	7,4								
2400	1023	7,7								
2500	1063	8								
2600	1103	8,3								
2700	1143	8,6								
2800	1183	8,9								
2900	1223	9,2								
3000	1264	9,5								
3100	1304	9,8								
3200	1344	10,1	Nhà máy Nikko lò 1, nhà máy Nikko lò 2, nhà máy Feromangan Trung Vương	Cả ba nhà máy dùng vận hành	5,00	15,00	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	3b	Giám sát từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
3300	1384	10,4								
3400	1424	10,7								
3500	1464	11								
3600	1504	11,3								
3700	1544	11,6								
3800	1584	11,9								
3900	1624	12,2								
4000	1664	12,5								
4100	1705	12,8								
4200	1745	13,1								
4300	1785	13,4								
4400	1825	13,7								
4500	1865	14								
4600	1905	14,3								
4700	1945	14,6								

Mức công suất của EVN	Mức Công suất của NPC	Mức Công suất của PCCB	Tên phần tử cắt điện	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Công suất lũy kế dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Nhóm phụ tải	Thao tác từ SCADA hay tại chỗ	Ghi chú
4800	1985	14,9								
4900	2025	15,2	Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng giảm công suất	Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	2,5	17,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	3b	Từ SCADA Trung tâm điều khiển	Tiết giảm một phần công suất sử dụng
5000	2065	15,5								
5100	2105	15,8								
5200	2146	16,2								
5300	2186	16,5								
5400	2226	16,8								
5500	2266	17,1								
5600	2306	17,4								
5700	2346	17,7	Cắt dao cắt phụ tải 371E16.3/185/1	Nhà máy Mía đường Phục Hòa và một số phụ tải thuộc xã Hòa Thuận	1,5	19	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	3b và 2c	Từ SCADA Trung tâm điều khiển	Có khách hàng sinh hoạt
5800	2386	18								
5900	2426	18,3								
6000	2466	18,6								
6100	2506	18,9								
6200	2546	19,2	Cắt máy cắt 373E16.6	Nhà máy CKC, phụ tải sinh hoạt thuộc xã Yên Thổ	3,5	22,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	3b và 2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	Có khách hàng sinh hoạt
6300	2587	19,5								
6400	2627	19,8								
6500	2667	20,1								
6600	2707	20,4								
6700	2747	20,7								
6800	2787	21								
6900	2827	21,3								
7000	2867	21,6								
7100	2907	21,9								
7200	2947	22,2								
7300	2987	22,5								

Mức công suất của EVN	Mức Công suất của NPC	Mức Công suất của PCCB	Tên phần tử cắt điện	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Công suất lũy kế dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Nhóm phụ tải	Thao tác từ SCADA hay tại chỗ	Ghi chú
7400	3027	22,8	Cắt máy cắt 373E16.6/16/3	Xã Nam Quang	1,20	23,70	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lâm	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
7500	3068	23,1								
7600	3108	23,4								
7700	3148	23,7								
7800	3188	24	Cắt máy cắt 377E16.6/169	Xã Huy Giáp, Sơn Lộ, một phần xã Hưng Đạo, Bảo Lạc	1,50	25,20	Đội quản lý Điện lực khu vực Bảo Lạc	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
7900	3228	24,3								
8000	3268	24,6								
8100	3308	24,9								
8200	3348	25,2								
8300	3388	25,5	Cắt máy cắt 378E16.1, cắt dao cắt phụ tải 371E16.1/174	Xã Minh Tâm, một phần xã Nguyên Bình	1,7	26,9	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
8400	3428	25,8								
8500	3468	26,1								
8600	3509	26,4								
8700	3549	26,7								
8800	3589	27	Cắt dao cắt phụ tải 371E16.1/246c	Xã Ca Thành, Phan Thanh, một phần xã Thành Công, một phần xã Tĩnh Túc	1,1	28,0	Đội quản lý Điện lực khu vực Nguyên Bình	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
8900	3629	27,3								
9000	3669	27,6								
9100	3709	27,9								
9200	3749	28,2	Cắt máy cắt 373E16.3/180/8	Một phần xã Trùng Khánh, Đình Phong	1,4	29,4	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
9300	3789	28,5								
9400	3829	28,8								
9500	3869	29,1								
9600	3909	29,4								
9700	3950	29,7	Cắt máy cắt 372E16.1/291	Một phần xã Lũng Nặm,	0,8	30,2	Đội quản lý Điện lực khu	2c	Từ SCADA tại Trung tâm	
9800	3990	30								

Mức công suất của EVN	Mức Công suất của NPC	Mức Công suất của PCCB	Tên phần tử cắt điện	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Công suất lũy kế dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Nhóm phụ tải	Thao tác từ SCADA hay tại chỗ	Ghi chú
9900	4030	30,3		Tổng Cột			vực Hà Quảng		điều khiển	
10000	4070	30,6	Cắt máy cắt 372E16.3/258	Xã Quang Long, một phần xã Lý Quốc	1,3	31,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Hạ Lang	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
10100	4110	30,9								
10200	4150	31,2								
10300	4190	31,5								
10400	4230	31,8	Cắt máy cắt 371E16.3/59 đến máy cắt 371E16.3/123/39/35	Một phần xã Phục Hòa, Bể Văn Đàn	1,2	32,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
10500	4270	32,1								
10600	4310	32,4								
10700	4350	32,7								
10800	4391	33								
10900	4431	33,3	Cắt máy cắt 377E16.3	Một phần xã Hạnh Phúc	0,8	33,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Quảng Hòa	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
11000	4471	33,6								
11100	4511	33,9	Cắt máy cắt 373E16.7/234/17	Một phần xã Thạch An, Đức Long	0,8	34,3	Đội quản lý Điện lực khu vực Thạch An	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
11200	4551	34,2								
11300	4591	34,6	Cắt máy cắt 371E16.7	Một phần phường Tân Giang, một phần xã Kim Đồng, Thạch An, Đông Khê	2,8	37,1	Đội quản lý Điện lực khu vực Bằng Giang	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
11400	4631	34,9								
11500	4671	35,2								
11600	4711	35,5								
11700	4751	35,8								
11800	4791	36,1								
11900	4831	36,4								
12000	4872	36,7								
12100	4912	37								
12200	4952	37,3	Cắt máy cắt 377E16.6	Một phần xã Lý Bôn, Bảo Lâm,	1,60	38,70	Đội quản lý Điện lực khu	2c	Từ SCADA tại Trung tâm	

Mức công suất của EVN	Mức Công suất của NPC	Mức Công suất của PCCB	Tên phần tử cắt điện	Khu vực mất điện	Công suất dự kiến (MW)	Công suất lũy kế dự kiến (MW)	Đơn vị quản lý vận hành	Nhóm phụ tải	Thao tác từ SCADA hay tại chỗ	Ghi chú
14500	5874	44,2	Cắt máy cắt 374E16.3/190	Một phần xã Quang Trung	0,6	44,5	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
14600	5914	44,5								
14700	5954	44,8	Cắt máy cắt 373E16.3/65a, cắt dao cắt phụ tải 373E16.3/159	Xã Đoài Dương, một phần xã Trùng Khánh	1,2	45,7	Đội quản lý Điện lực khu vực Trùng Khánh	2c	Từ SCADA tại Trung tâm điều khiển	
14800	5994	45,1								
14900	6034	45,4								
15000	6074	45,7								

Phụ lục IX**Các kịch bản tiết giảm điện trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu công suất***(Kèm theo Quyết định số: 2376/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		135,00	128,25	6,75	
1	Phụ tải quan trọng	1	8,31	8,31	-	Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	108,16	108,16	-	
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 thuộc khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang và các khu đô thị (khu vực thị trấn các huyện cũ)	2a	24,76	24,76	-	Không tiết giảm
2.2	Phụ tải sinh hoạt, cơ quan và sản xuất nhỏ không lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 cấp điện cho khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang	2b	12,10	12,10	-	Không tiết giảm
2.3	Phụ tải sinh hoạt và sản xuất nhỏ khu vực nông thôn các xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2c	71,30	71,30	-	Không tiết giảm
3	Phụ tải nhóm 3	3	27,93	21,33	6,60	
3.1	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ ưu tiên	3a	1,93	1,93	-	Không tiết giảm

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
3.2	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ khác	3b	26,00	19,40	6,60	Luân phiên cắt giảm từng nhà máy sản xuất lớn
2- Kế hoạch phân bổ công suất khi thiếu công suất, mức thiếu 10% công suất so với nhu cầu sử dụng:						
STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		135,00	121,50	13,50	
1	Phụ tải quan trọng	1	8,31	8,31	-	Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	108,16	107,23	0,93	
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 thuộc khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang và các khu đô thị (khu vực thị trấn các huyện cũ)	2a	24,76	24,76	-	Không tiết giảm
2.2	Phụ tải sinh hoạt, cơ quan và sản xuất nhỏ không lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 cấp điện cho khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang	2b	12,10	12,10	-	Không tiết giảm
2.3	Phụ tải sinh hoạt và sản xuất nhỏ khu vực nông thôn các xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2c	71,30	70,37	0,93	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
3	Phụ tải nhóm 3	3	27,50	14,93	12,57	
3.1	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ ưu tiên	3a	1,93	1,93	-	Không tiết giảm
3.2	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ khác	3b	26,00	13,00	13,00	Luân phiên cắt giảm 02 nhà máy lớn và 01 nhà máy nhỏ
3- Kế hoạch phân bổ công suất khi thiếu công suất, mức thiếu 15% công suất so với nhu cầu sử dụng:						
STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		135,00	114,75	20,25	
1	Phụ tải quan trọng	1	8,31	8,31	-	Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	108,16	100,91	7,25	
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 thuộc khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang và các khu đô thị (khu vực thị trấn các huyện cũ)	2a	24,76	24,76	-	Không tiết giảm
2.2	Phụ tải sinh hoạt, cơ quan và sản xuất nhỏ không lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 cấp điện cho khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang	2b	12,10	12,10	-	Không tiết giảm

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
2.3	Phụ tải sinh hoạt và sản xuất nhỏ khu vực nông thôn các xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2c	71,30	64,05	7,25	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
3	Phụ tải nhóm 3	3	27,93	14,93	13,00	
3.1	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ ưu tiên	3a	1,93	1,93	-	Không tiết giảm
3.2	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ khác	3b	26,00	13,00	13,00	Luân phiên cắt giảm 02 nhà máy lớn và 01 nhà máy nhỏ
4- Kế hoạch phân bổ công suất khi thiếu công suất, mức thiếu 20% công suất so với nhu cầu sử dụng:						
STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		135,00	108,00	27,00	
1	Phụ tải quan trọng	1	8,31	8,31	-	Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	108,16	94,16	14,00	
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 thuộc khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang và các khu đô thị (khu vực thị trấn các huyện cũ)	2a	24,76	24,76	-	Không tiết giảm

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
2.2	Phụ tải sinh hoạt, cơ quan và sản xuất nhỏ không lẫn vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 cấp điện cho khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang	2b	12,10	12,10	-	Không tiết giảm
2.3	Phụ tải sinh hoạt và sản xuất nhỏ khu vực nông thôn các xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2c	71,30	57,30	14,00	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
3	Phụ tải nhóm 3	3	27,93	14,93	13,00	
3.1	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ ưu tiên	3a	1,93	1,93	-	Không tiết giảm
3.2	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ khác	3b	26,00	13,00	13,00	Luân phiên cắt giảm 02 nhà máy lớn và 01 nhà máy nhỏ
5- Kế hoạch phân bổ công suất khi thiếu công suất, mức thiếu 25% công suất so với nhu cầu sử dụng:						
STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		135,00	101,25	33,75	
1	Phụ tải quan trọng	1	8,31	8,31	-	Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	108,16	87,41	20,75	

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 thuộc khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang và các khu đô thị (khu vực thị trấn các huyện cũ)	2a	24,76	24,76	-	Không tiết giảm
2.2	Phụ tải sinh hoạt, cơ quan và sản xuất nhỏ không lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 cấp điện cho khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang	2b	12,10	12,10	-	Không tiết giảm
2.3	Phụ tải sinh hoạt và sản xuất nhỏ khu vực nông thôn các xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2c	71,30	50,55	20,75	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
3	Phụ tải nhóm 3	3	27,93	14,93	13,00	
3.1	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ ưu tiên	3a	1,93	1,93	-	Không tiết giảm
3.2	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ khác	3b	26,00	13,00	13,00	Luân phiên cắt giảm 02 nhà máy lớn và 01 nhà máy nhỏ
6- Kế hoạch phân bổ công suất khi thiếu công suất, mức thiếu 30% công suất so với nhu cầu sử dụng:						
STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
	Tổng		135,00	94,50	40,50	
1	Phụ tải quan trọng	1	8,31	8,31	-	Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	108,16	80,66	27,50	

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp lẫn vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 thuộc khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang và các khu đô thị (khu vực thị trấn các huyện cũ)	2a	24,76	24,76	-	Không tiết giảm
2.2	Phụ tải sinh hoạt, cơ quan và sản xuất nhỏ không lẫn vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 cấp điện cho khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang	2b	12,10	8,60	3,50	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
2.3	Phụ tải sinh hoạt và sản xuất nhỏ khu vực nông thôn các xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2c	71,30	47,30	24,00	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
3	Phụ tải nhóm 3	3	27,93	14,93	13,00	
3.1	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ ưu tiên	3a	1,93	1,93	-	Không tiết giảm
3.2	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ khác	3b	26,00	13,00	13,00	Luân phiên cắt giảm 02 nhà máy lớn và 01 nhà máy nhỏ
7- Kế hoạch phân bổ công suất khi thiếu công suất, mức thiếu 35% công suất so với nhu cầu sử dụng:						
STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		135,00	87,75	47,25	
1	Phụ tải quan trọng	1	8,31	8,31	-	Không tiết giảm

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	108,16	73,91	34,25	
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 thuộc khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang và các khu đô thị (khu vực thị trấn các huyện cũ)	2a	24,76	23,76	1,00	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các trạm biến áp
2.2	Phụ tải sinh hoạt, cơ quan và sản xuất nhỏ không lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 cấp điện cho khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang	2b	12,10	7,60	4,50	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
2.3	Phụ tải sinh hoạt và sản xuất nhỏ khu vực nông thôn các xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2c	71,30	42,55	28,75	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
3	Phụ tải nhóm 3	3	27,93	14,93	13,00	
3.1	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ ưu tiên	3a	1,93	1,93	-	Không tiết giảm
3.2	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ khác	3b	26,00	13,00	13,00	Luân phiên cắt giảm 02 nhà máy lớn và 01 nhà máy nhỏ
8- Kế hoạch phân bổ công suất khi thiếu công suất, mức thiếu 40% công suất so với nhu cầu sử dụng:						
STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
	Tổng		135,00	81,00	54,00	

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
1	Phụ tải quan trọng	1	8,31	8,31	-	Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	108,16	67,16	41,00	
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 thuộc khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang và các khu đô thị (khu vực thị trấn các huyện cũ)	2a	24,76	22,76	2,00	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các trạm biến áp
2.2	Phụ tải sinh hoạt, cơ quan và sản xuất nhỏ không lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 cấp điện cho khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang	2b	12,10	6,10	6,00	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
2.3	Phụ tải sinh hoạt và sản xuất nhỏ khu vực nông thôn các xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2c	71,30	38,30	33,00	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
3	Phụ tải nhóm 3	3	27,93	14,93	13,00	
3.1	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ ưu tiên	3a	1,93	1,93	-	Không tiết giảm
3.2	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ khác	3b	26,00	13,00	13,00	Luân phiên cắt giảm 02 nhà máy lớn và 01 nhà máy nhỏ
9- Kế hoạch phân bổ công suất khi thiếu công suất, mức thiếu 45% công suất so với nhu cầu sử dụng:						
STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		135,00	74,25	60,75	
1	Phụ tải quan trọng	1	8,31	8,31	-	Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	108,16	60,41	47,75	
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 thuộc khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang và các khu đô thị (khu vực thị trấn các huyện cũ)	2a	24,76	20,26	4,50	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các trạm biến áp
2.2	Phụ tải sinh hoạt, cơ quan và sản xuất nhỏ không lần vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 cấp điện cho khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang	2b	12,10	5,10	7,00	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
2.3	Phụ tải sinh hoạt và sản xuất nhỏ khu vực nông thôn các xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2c	71,30	35,05	36,25	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
3	Phụ tải nhóm 3	3	27,93	14,93	13,00	
3.1	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ ưu tiên	3a	1,93	1,93	-	Không tiết giảm

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
3.2	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ khác	3b	26,00	13,00	13,00	Luân phiên cắt giảm 02 nhà máy lớn và 01 nhà máy nhỏ

10- Kế hoạch phân bổ công suất khi thiếu công suất, mức thiếu 50% công suất so với nhu cầu sử dụng:

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
	Tổng		135,00	67,50	67,50	
1	Phụ tải quan trọng	1	8,31	8,31	-	Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	108,16	53,66	54,50	
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp lẫn vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 thuộc khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang và các khu đô thị (khu vực thị trấn các huyện cũ)	2a	24,76	16,76	8,00	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các trạm biến áp

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2025	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
2.2	Phụ tải sinh hoạt, cơ quan và sản xuất nhỏ không lẫn vào phần đường dây trung áp cấp điện cho phụ tải nhóm 1 cấp điện cho khu vực phường Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang	2b	12,10	3,60	8,50	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
2.3	Phụ tải sinh hoạt và sản xuất nhỏ khu vực nông thôn các xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	2c	71,30	33,30	38,00	Luân phiên, linh hoạt cắt điện các phân đoạn
3	Phụ tải nhóm 3	3	27,93	14,93	13,00	
3.1	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ ưu tiên	3a	1,93	1,93	-	Không tiết giảm
3.2	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ khác	3b	26,00	13,00	13,00	Luân phiên cắt giảm 02 nhà máy lớn và 01 nhà máy nhỏ